

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2020/HS-ST**  
Ngày 27-11-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Thành Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lâm Ngọc Hà.

2. Ông Nguyễn Văn Ngu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Luận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2020/QĐST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

**Phạm Ngọc H** (tên gọi khác: Út), sinh năm 1984, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Mạnh H và bà Bùi Thị H; Có vợ tên Đặng Thị Kim D và 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31 tháng 7 năm 2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**- Bị hại:** Anh **Nguyễn Nhựt Q**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Nơi tạm trú: Ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

2. Anh **Nguyễn Đức Tr**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Người làm chứng*: Bà **Nguyễn Thị Kim X**, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 09-4-2020, bị cáo H đến nhà anh Trịnh tại Ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng phụ giúp dọn dẹp do anh Tr sửa chữa mái tole trước nhà. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, anh Q đi làm về, thấy phần mái tole nhà anh Tr lấn sang phần đất nhà mình nên cầm cây tre gỗ vào mái tole, lớn tiếng nói “Chừng nào mày cắt mấy cây này”. Lúc này, anh Tr và bị cáo H đang ăn cơm, uống bia trong nhà, bức tức hành động của anh Q, bị cáo H lấy ống tuýp sắt, màu bạc, chiều dài 57cm, đường kính 4,2cm chạy qua nhà anh Q, thấy bị cáo H chạy về phía mình thì anh Q lấy cục gạch tàu màu đỏ kích thước 12cm x 12cm x 02cm ném về phía bị cáo H nhưng không trúng, rồi bỏ chạy vào nhà. Bị cáo H chạy rượt theo đến nhà sau của anh Q thì đuổi kịp. Lúc này anh Q cầm nồi canh đã nấu chín để nguội tạt vào người bị cáo H, bị cáo H cầm ống tuýp sắt bằng tay phải đánh trúng vào đầu anh Q, anh Q nhào vô ôm bị cáo H, hai người câu vật với nhau, bị cáo H dùng tay phải đánh vào vùng tai trái anh Q thì được anh Tr, chị T can ra, bị cáo H đi về nhà anh Tr, còn anh Q được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Trung tâm Y tế huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến ngày 13-4-2020 thì xuất viện. Ngày 21-4-2020, anh Q, chị T cùng có đơn đề nghị giám định thương tích và xử lý hình sự đối với người gây thương tích cho mình.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 201/TgT-PY, ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận: Nguyễn Nhựt Q, sinh năm 1988; Giới: Nam; Địa chỉ: Cống Đồi, Hồ Đắc Kiện, Châu Thành, Sóc Trăng, dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo ngang vùng thái dương bên trái, bờ nham nhỡ, kích thước 04cm x 0,5cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02%;

- Sẹo mặt trong vành tai trái, kích thước 1,5cm x 0,4cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế, hiện tại là 03%.

- Kết luận khác: Tồn thương nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng; Tồn thương do vậy tày gây nên; Tồn thương không gây ảnh hưởng thẩm mỹ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 202/TgT-PY, ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989; giới: Nữ; Địa chỉ: Sao Mai, Ka Đơn, Đơn Dương, Lâm Đồng, dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết phù nề bầm tím vùng quanh mắt trái như trong giấy chứng nhận thương tích miêu tả đã được điều trị. Không còn di chứng tồn thương nên không có tỷ lệ phần trăm (%).

- Tổng tỷ lệ tồn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế, hiện tại là 00%.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) đoạn ống bằng kim loại tròn, màu bạc, chiều dài 57cm, đường kính 4,2cm. Đối với cục gạch tàu, màu đỏ, kích thước 12cm x 12cm x 02cm không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Q yêu cầu bị cáo H bồi thường chi phí điều trị vết thương, tiền ăn uống, tiền công lao động số tiền tổng cộng là 3.638.000 đồng. Bị cáo H đã tự nguyện nộp số tiền 3.638.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để bồi thường cho bị hại Q.

Tại Cáo trạng số: 31/CT-VKS-CT ngày 05 tháng 10 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo H, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo H từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng tù. Buộc bị cáo H phải bồi thường cho bị hại Q số tiền 3.638.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) đoạn ống bằng kim loại tròn, màu bạc, chiều dài 57cm, đường kính 4,2cm; đối với cục gạch tàu, màu đỏ, kích thước 12cm x 12cm x 02cm không thu giữ được, đề nghị không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Ngọc H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Bị hại Nguyễn Nhựt Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xử lý hình sự đối với người gây thương tích cho mình, thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với người gây thương tích cho mình, vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Đức Tr thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo H thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Thanh T và người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim X vắng mặt không có lý do. Các đương sự có mặt tại phiên tòa không có ý kiến. Kiểm sát viên đề nghị tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T, bà X đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 292, Khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu xử lý hình sự người gây thương tích cho mình, quá trình điều tra, truy tố không chứng minh được người gây thương tích cho chị T nhưng Cơ quan điều tra không ban hành quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với yêu cầu này của chị T là chưa đúng quy định tại Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Ngoài ra, các hành vi, quyết định tố tụng còn lại đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại nên các hành vi, quyết định tố tụng này đều hợp pháp.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng, cũng như phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, Kết luận giám định pháp y về thương tích của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 09-4-2020, do bức tức việc bị hại Q dùng cây tre gõ vào mái tole nhà anh Tr và lớn tiếng nói “Chùng nào mày cắt mấy cây này” mà bị cáo H cầm đoạn ống tuýp sắt bằng kim loại tròn, màu bạc, chiều dài 57cm, đường kính 4,2cm chạy về phía bị hại Q. Thấy vậy nên bị hại Q lấy cục gạch tàu màu đỏ có kích thước (12cm x 12cm x 02cm) ném về phía bị cáo H nhưng không trúng, sau đó chạy vào nhà thì bị cáo H đuổi theo, khi bị cáo H đuổi đến nhà sau của bị hại Q thì bị hại Q cầm nôi canh đã nấu chín để nguội tạt vào người bị cáo H, lúc này tay phải của bị cáo H cầm đoạn ống tuýp sắt bằng kim loại tròn đánh từ phải qua trái, từ trên xuống dưới vào vùng đầu của bị hại Q, bị cáo H và bị hại Q câu vật với nhau, trong lúc câu vật thì bị cáo H dùng tay phải đánh vào vùng tai trái bị hại Q thì được anh Tr can ngăn, đưa về nhà, còn bị hại Q được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Trung tâm Y tế huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến ngày 13-4-2020 thì xuất viện.

[2.2] Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 201/TgT-PY, ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận: Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1988; Giới: Nam; Địa chỉ: Cống Đôi, Hồ Đắc Kiện, Châu Thành, Sóc Trăng:

- Sẹo ngang vùng thái dương bên trái, bờ nham nhỡ, kích thước (04cm x 0,5cm), tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 02%;

- Sẹo mặt trong vành tai trái, kích thước (1,5cm x 0,4cm), tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 01%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%.

- Kết luận khác: Tổn thương nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng; Tổn thương do vậy gây nên; Tổn thương không gây ảnh hưởng thẩm mỹ.

[2.3] Bị cáo H là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật hình sự. Thế nhưng do bức tức việc bị hại Q dùng cây tre gõ vào mái tole nhà anh Tr, lớn tiếng nói “Chùng nào mày cắt mấy cây này” và việc bị hại Q ném cục gạch về phía bị cáo, tạt nôi canh vào người bị cáo mà bị cáo dùng đoạn ống tuýt sắt bằng kim loại tròn, màu bạc, chiều dài 57cm, đường kính 4,2cm đánh vào đầu và dùng tay đánh vào tai bị hại Q, qua giám định thì tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Q là 03%. Mặc dù tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Q dưới 11% nhưng bị cáo H dùng đoạn ống tuýt sắt bằng kim loại tròn, màu bạc, chiều dài 57cm, đường kính 4,2cm là “Hung khí nguy hiểm” gây thương tích cho bị hại Q

nên hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung là “Hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.4] Hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì mới tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Đồng thời, để bị cáo biết cách xử sự có chừng mực, có thời gian học tập, lao động trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[2.5] Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.638.000 đồng để bồi thường cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[2.6] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo H từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[2.7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Q yêu cầu bị cáo H bồi thường chi phí điều trị vết thương, tiền ăn uống, tiền công lao động số tiền 3.638.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị cáo H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và đã tự nguyện nộp số tiền 3.638.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại Q, buộc bị cáo H phải bồi thường cho bị hại Q số tiền 3.638.000 đồng. Tiếp tục quản lý số tiền 3.638.000 đồng bị cáo H đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành theo Biên lai thu tiền số: AA/2010/009449 ngày 30-9-2020 để đảm bảo thi hành án.

[2.8] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy, đối với vật chứng 01 (một) đoạn ống tuýt sắt bằng kim loại tròn, màu bạc, chiều dài 57cm, đường kính 4,2cm là tài sản của anh Nguyễn Đức Tr, anh Tr không có yêu cầu nhận lại, đồng thời vật chứng này là công cụ mà bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với cục gạch tàu màu đỏ, kích thước 12cm x 12cm x 02cm thì không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.9] Đối với yêu cầu xử lý hình sự người gây thương tích cho mình của chị Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giai đoạn điều tra, truy tố thì chị T khai là anh Tr có cùng bị cáo H đánh bị hại Q; dùng tay đánh chị T gây thương tích. Tuy nhiên, anh Tr không thừa nhận, bị cáo H xác định thương tích bị hại Q là do một mình bị cáo gây ra, kết luận giám định pháp y về thương tích thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị T là 00%. Ngoài lời khai của chị T thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh anh Tr có tham gia cùng bị cáo H gây thương tích cho bị hại Q, cũng như có dùng tay đánh chị T. Do đó, yêu cầu xử lý hình sự của chị T đối với người gây thương tích cho mình là không có căn cứ, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát không khởi tố, truy tố đối với anh Tr là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.10] Đối với hành vi của bị hại Q dùng gạch tàu màu đỏ, kích thước 12cm x 12cm x 02cm ném bị cáo H không nhưng trúng, tạt nồi canh nấu chín để nguội vào người bị cáo H nhưng không gây thương tích. Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát không khởi tố, truy tố đối với hành vi này của bị hại Q là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a Khoản 1 Điều 23, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo H phải bồi thường cho bị hại Q số tiền 3.638.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc H (Út) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào:

- Điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Điểm a Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Khoản 1 Điều 292, Khoản 1 Điều 293, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điểm a Khoản 1 Điều 23, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H (Út) 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt đi thi hành án.

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Ngọc H (Út) bồi thường cho bị hại Nguyễn Nhựt Q số tiền 3.638.000 đồng (Bằng chữ: Ba triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng). Tiếp tục quản lý số tiền 3.638.000 đồng (Bằng chữ: Ba triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng) bị cáo Phạm Ngọc H (Út) đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo Biên lai thu tiền số: AA/2010/009449 ngày 30-9-2020 để đảm bảo thi hành án.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**3.** Xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) đoạn ống bằng kim loại tròn, màu bạc, chiều dài 57cm, đường kính 4,2cm.

**4.** Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Ngọc H (Út) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

**5.** Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**6.** Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.



**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có *QLNVLQ* đến vụ án;
- *VKSND* huyện Châu Thành;
- *CQCSĐT* Công an huyện Châu Thành;
- Chi cục *THADS* huyện Châu Thành;
- *TAND* tỉnh Sóc Trăng;
- *VKSND* tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: *HSVA*.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Cao Thành Đạt**